

Số: 155 / QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Điều lệ Hội Thư viện Việt Nam****BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL - L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ- CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ- CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Thư viện Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Thư viện Việt Nam đã được Đại hội Hội Thư viện Việt Nam lần thứ I thông qua ngày 22 tháng 10 năm 2006.

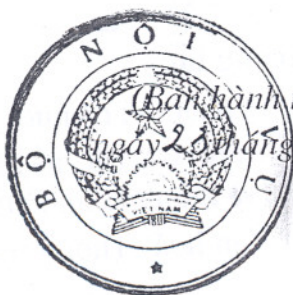
Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Thư viện Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (2 bản);
- Bộ trưởng Đỗ Quang Trung (bc) ;
- Bộ Văn hoá - Thông tin ;
- C13 Bộ Công an;
- Lưu VT, TCCP (3 bản).





ĐIỀU LỆ

Hội thư viện Việt Nam

(Ban hành theo Quyết định số 155 / QĐ - BNV,

ngày 20 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu trưng

1. Tên gọi

- Tên viết bằng tiếng Việt: Hội Thư viện Việt Nam
- Tên viết bằng tiếng Anh: Vietnam Library Association
- Tên viết tắt tiếng Anh: VLA

2. Biểu trưng

- Hội có biểu trưng.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Thư viện Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tập hợp trên tinh thần tự nguyện các tổ chức, cá nhân Việt Nam đã và đang hoạt động trong lĩnh vực thư viện, liên quan đến thư viện, hoặc có tâm huyết nhiệt tình với hoạt động thư viện.

2. Hội góp phần xây dựng ngành thư viện Việt Nam ngày càng vững mạnh, khẳng định vai trò, vị trí của thư viện trong xã hội và đời sống văn hoá của nhân dân, phục vụ có hiệu quả cho công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của đất nước.

3. Hội mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế, nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn, thúc đẩy tốc độ và quy mô phát triển sự nghiệp thư viện theo xu thế hội nhập quốc tế.

4. Hội là diễn đàn để những người làm công tác thư viện, liên quan đến thư viện và quan tâm tới thư viện trao đổi kinh nghiệm, động viên khuyến khích nhau, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, tập hợp sức mạnh trí tuệ để giải quyết những vấn đề chung của ngành.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Tổ chức và hoạt động của Hội thực hiện theo nguyên tắc:

1. Dân chủ, tự nguyện, tự quản, tự trang trải về kinh phí và chịu trách nhiệm trước pháp luật;
2. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số.

Điều 4. Phạm vi hoạt động, quan hệ công tác

1. Hội Thư viện Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước.
2. Hội xây dựng mối quan hệ thường xuyên với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.
3. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Văn hoá - Thông tin về lĩnh vực Hội hoạt động.

Điều 5. Tư cách pháp nhân, trụ sở

1. Hội hoạt động độc lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.
2. Trụ sở Hội đặt tại Hà Nội. Hội có Văn phòng đại diện tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 6. Nhiệm vụ của Hội

1. Tập hợp, đoàn kết những người làm công tác thư viện, các tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến lĩnh vực thư viện, phát huy tiềm năng trí tuệ của mình phục vụ cho sự nghiệp thư viện;
2. Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân quan tâm đến hoạt động thư viện, huy động mọi nguồn lực cho sự nghiệp thư viện ngày càng phát triển;
3. Nghiên cứu đề xuất với Đảng, Nhà nước về chủ trương, đường lối, chính sách, biện pháp nhằm bảo vệ và phát huy giá trị của các di sản văn hoá thành văn và phi thành văn trong các thư viện;
4. Đề xuất, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan liên quan trong việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho hội viên, giúp hội viên đạt tiêu chuẩn nghề nghiệp và duy trì hoạt động nghề nghiệp ở trình độ cao;
5. Tổ chức và giúp đỡ các hoạt động liên kết kinh tế, khoa học, dịch vụ thư viện, dịch vụ thông tin với các cơ quan, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức nghề nghiệp, nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho hội viên;
6. Nghiên cứu, ứng dụng, phổ biến những thành tựu khoa học và công nghệ vào hoạt động thư viện.
7. Tổ chức các dịch vụ chuyên môn, dịch vụ tư vấn thiết kế trụ sở thư viện; dịch vụ nghiên cứu và phản biện các công trình khoa học của thư viện;
8. Xây dựng và phát triển các mối quan hệ liên kết hoạt động giữa các loại hình thư viện, các mạng lưới thư viện trong cả nước nhằm phát huy thế mạnh của toàn ngành;
9. Mở rộng hợp tác, giao lưu với các tổ chức nước ngoài và quốc tế về thư viện theo qui định của pháp luật. Khuyến khích và tạo điều kiện cho hội viên gặp gỡ, trao đổi và hợp tác với các tổ chức thư viện của các nước. Vận động, tạo

điều kiện để cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp trí tuệ và sức lực xây dựng sự nghiệp thư viện, góp phần thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước;

10. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chính đáng của hội viên, của các tổ chức thành viên;

11. Phát triển hội viên mới.

Điều 7. Quyền hạn của Hội

1. Tham gia đề xuất với Đảng, Nhà nước về chủ trương, đường lối, chính sách phát triển sự nghiệp thư viện;

2. Tổ chức các lớp bồi dưỡng tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho hội viên;

3. Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học về thư viện;

4. Tổ chức các hoạt động nhằm tăng cường quảng bá cho nghề thư viện: tổ chức trưng bày, triển lãm sách báo, tranh ảnh, các trang thiết bị kỹ thuật thư viện, các mẫu thiết kế chuyên dùng cho thư viện; tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước nhằm tuyên truyền, giới thiệu các sản phẩm và các hoạt động thư viện;

5. Tham gia hội đồng thẩm định do Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan khác thành lập để công nhận, xét thưởng các công trình khoa học, sản phẩm của ngành. Tham gia tư vấn, thẩm định các dự án, đề tài nghiên cứu, chương trình đào tạo, sản phẩm của ngành khi được các cơ quan, tổ chức yêu cầu;

6. Xét và trao giải thưởng cho các công trình nghiên cứu khoa học về thư viện do hội viên, tổ chức thuộc Hội nghiên cứu;

7. Tiến hành các công trình nghiên cứu khoa học về thư viện;

8. Được thành lập các liên chi hội và các tổ chức trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Hội;

9. Quan hệ với các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài trong lĩnh vực thư viện theo quy định của pháp luật;

10. Xuất bản tạp chí và các tài liệu khác về lĩnh vực thư viện;

11. Quyết định những vấn đề tài chính theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Đối tượng, điều kiện trở thành Hội viên

1. Các tổ chức, công dân Việt Nam đã và đang hoạt động trong lĩnh vực thư viện hoặc có tâm huyết với thư viện, tích cực tham gia đóng góp cho sự nghiệp thư viện.

2. Tán thành Điều lệ Hội, có đơn tự nguyện xin gia nhập Hội.

Điều 9. Hội viên chính thức, hội viên danh dự

1. Hội viên chính thức:

Các tổ chức, công dân Việt Nam có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ Hội Thư viện Việt Nam.

2. Hội viên danh dự :

Các tổ chức, công dân Việt Nam không phải là hội viên chính thức, nhưng có đóng góp tích cực, hiệu quả cho hoạt động của Hội thì được Hội mời là hội viên danh dự.

Điều 10. Kết nạp hội viên

1. Tổ chức, cá nhân xin vào Hội phải có hồ sơ theo quy định của Ban chấp hành Hội;

2. Hồ sơ xin vào Hội được ban lãnh đạo Chi hội hoặc Hội thành viên xem xét và đề nghị Ban Thường vụ Hội quyết định;

3. Thẻ thức kết nạp hội viên do Ban Thường vụ Hội quy định.

Điều 11. Nghĩa vụ hội viên

1. Chấp hành Điều lệ Hội, Nghị quyết của Hội và của các tổ chức cơ sở Hội nơi mình sinh hoạt;

2. Tích cực xây dựng Hội ngày càng phát triển lớn mạnh. Bảo vệ uy tín của Hội;

3. Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chủ động, sáng tạo trong công tác;

4. Sinh hoạt và đóng hội phí đầy đủ;

5. Tuyên truyền phát triển hội viên mới.

Điều 12. Quyền lợi hội viên

1. Được cấp thẻ hội viên;

2. Được tham gia sinh hoạt và biểu quyết các công việc của Hội;

3. Được đề cử, ứng cử, bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo Hội;

4. Được chất vấn, góp ý, phê bình các cơ quan lãnh đạo và các cơ quan trực thuộc Hội;

5. Được Hội giúp đỡ đăng ký với các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước về bảo vệ quyền tác giả các sáng kiến, cải tiến và các công trình nghiên cứu khoa học;

6. Được tham dự các cuộc hội thảo khoa học, các buổi sinh hoạt câu lạc bộ, các lớp tập huấn, các cuộc tham quan trong và ngoài nước do Hội tổ chức (khi có điều kiện);

7. Được hưởng các quyền lợi tinh thần và vật chất do hoạt động của Hội mang lại;

8. Được yêu cầu Hội bảo vệ quyền lợi hợp pháp của hội viên theo quy định của pháp luật;

9. Được xin ra khỏi Hội.

Hội viên danh dự có nghĩa vụ, quyền lợi như hội viên chính thức, trừ các quyền: ứng cử, đề cử, bầu cử các chức danh lãnh đạo các cấp trong Hội và biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 13. Ra hội, khai trừ hội viên.

1. Hội viên xin ra khỏi Hội phải có đơn tự nguyện gửi đến tổ chức cơ sở Hội nơi mình sinh hoạt để báo cáo về Ban Thường vụ Hội xem xét quyết định.

2. Hội viên làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín và lợi ích của Hội; hội viên mất quyền công dân; hội viên không đóng hội phí 12 tháng liên tiếp mà không có lý do chính đáng thì bị Ban Thường vụ Hội xem xét quyết định khai trừ và xóa tên trong danh sách hội viên.

3. Thể thức xin ra Hội, khai trừ hội viên do Ban Thường Hội vụ quy định.

Chương IV TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 14. Tổ chức của Hội

Hội Thư viện Việt Nam gồm:

- Trung ương Hội;
- Hội thành viên;
- Liên Chi Hội, Chi Hội;
- Các tổ chức trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Cơ quan lãnh đạo Hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội.

2. Cơ quan điều hành cao nhất giữa hai nhiệm kỳ Đại hội là Ban Chấp hành Hội.

3. Cơ quan giải quyết các công việc thường xuyên của Hội là Ban Thường vụ Hội.

Điều 16. Đại hội Đại biểu toàn quốc

1. Ban Chấp hành Hội triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc.

2. Nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc là 5 năm.

3. Đại hội Đại biểu toàn quốc có nhiệm vụ:

- Thông qua báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ qua;
- Thảo luận và quyết định phương hướng, nhiệm vụ hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ tới;

- Thảo luận và biểu quyết việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Hội (nếu có);
- Bầu Ban Chấp hành Hội.

4. Đại hội bất thường sẽ được tổ chức khi có 2/3 số uỷ viên Ban Chấp hành Hội yêu cầu và phải được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5. Đại hội quyết định hình thức biểu quyết là giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội phải được ít nhất 2/3 số đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 17. Đại biểu dự Đại hội

1. Đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc là đại biểu chính thức được bầu từ đại hội cơ sở, mỗi hội viên chỉ được tham dự ở một đại hội cơ sở.

Các uỷ viên Ban Chấp hành Hội trong nhiệm kỳ là đại biểu chính thức đương nhiên của Đại hội.

2. Số lượng đại biểu chính thức và đại biểu dự khuyết do Ban Chấp hành Hội qui định.

3. Việc bãi miễn quyền đại biểu do Ban Kiểm tra tư cách đại biểu đề nghị và Đại hội quyết định.

4. Trường hợp khuyết đại biểu chính thức thuộc tổ chức cơ sở nào thì đại biểu dự khuyết của tổ chức đó thay thế.

Điều 18. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội đại biểu toàn quốc bầu.

2. Ban Chấp hành bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng Thư ký, các uỷ viên Thường vụ, Ban Kiểm tra và các Ban chuyên môn nghiệp vụ của Hội.

3. Số lượng uỷ viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định.

4. Ban Chấp hành Hội họp thường kỳ một năm một lần và có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc của ít nhất 2/3 số uỷ viên Ban Chấp hành.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Hội:

- Điều hành hoạt động của Hội theo phương hướng nhiệm vụ Đại hội đã thông qua;

- Quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng về đối nội, đối ngoại; xây dựng và chỉ đạo thực hiện các kế hoạch hoạt động, kế hoạch ngân sách của Hội đã được Đại hội đại biểu toàn quốc thông qua;

- Quy định việc gia nhập các tổ chức quốc gia, khu vực, quốc tế trong lĩnh vực thư viện;

- Thành lập các tổ chức trực thuộc Hội; xây dựng quy chế hoạt động của Hội; quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Hội và các tổ chức trực thuộc Hội;

- Chuẩn bị nội dung, chương trình nghị sự và tài liệu trình Đại hội;

- Khi cần thiết, Ban Chấp hành Hội có quyền bầu bổ sung, bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm các thành viên Ban Chấp hành, uỷ viên Thường vụ, Chủ tịch, các

Phó Chủ tịch. Số lượng bổ sung Ban Chấp hành không quá 1/3 tổng số ủy viên Ban Chấp hành.

- Các quyết định của Ban Chấp hành Hội chỉ được ban hành khi có ít nhất 2/3 số ủy viên Ban Chấp hành tán thành.

Điều 19. Ban Thường vụ

Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên Thường vụ. Số lượng Phó Chủ tịch và các ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Hội quy định. Ban Thường vụ họp 3 tháng một lần.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

1. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành và các công việc thường xuyên của Hội;

2. Thành lập các tổ chức trực thuộc Hội. Bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ phụ trách các tổ chức trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành Hội;

3. Chỉ đạo, theo dõi, phối hợp hoạt động của các hội thành viên, chi hội, Ban kiểm tra, các tiểu ban chuyên môn nghiệp vụ của Hội;

4. Các quyết định của Ban Thường vụ Hội chỉ được ban hành khi có ít nhất 2/3 số ủy viên Ban Thường vụ tán thành.

Điều 20. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Thường vụ

1. Chủ tịch Hội có nhiệm vụ:

- Lãnh đạo và điều hành công tác của Ban Chấp hành Hội;

- Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành Hội;

- Phân công các Phó Chủ tịch phụ trách từng mặt công tác của Hội;

- Quyết định thành lập Liên Chi Hội, Chi hội và các tổ chức trực thuộc Hội;

- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

2. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch phụ trách một số lĩnh vực công tác được Chủ tịch phân công và thay mặt Chủ tịch khi được ủy quyền.

3. Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng Thư ký là người chịu trách nhiệm tổ chức điều hành mọi công việc của cơ quan Hội và thay mặt Chủ tịch khi được ủy quyền.

4. Ủy viên Thường vụ được Chủ tịch Hội phân công phụ trách từng phần việc cụ thể của Hội.

5. Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, ủy viên Thường vụ Hội chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Chủ tịch Hội về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

Điều 21. Ban Kiểm tra

Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành Hội bầu ra. Số lượng ủy viên và thể thức bầu Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành Hội quy định. Trưởng ban Kiểm tra là ủy viên Ban Thường vụ Ban Chấp hành Hội.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm tra:

1. Kiểm tra việc thi hành Điều lệ Hội, Nghị quyết Đại hội, các qui định của Ban Chấp hành, của Ban Thường vụ;
2. Kiểm tra các hoạt động nghiệp vụ, kinh tế, dịch vụ của các tổ chức trực thuộc Hội;
3. Đề xuất, kiến nghị xử lý các khiếu nại, tố cáo của hội viên. Kết quả các đợt kiểm tra phải báo cáo bằng văn bản về Ban Chấp hành Hội xem xét, xử lý theo Điều lệ Hội hoặc quy định của pháp luật;
4. Ban Kiểm tra họp thường lệ 6 tháng một lần và có thể họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội hoặc của Trưởng Ban Kiểm tra.

Điều 22. Hội thành viên

1. Hội thành viên của Hội Thư viện Việt Nam là Hội Thư viện tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Hội Thư viện cấp tỉnh) được thành lập theo quy định của pháp luật, nếu tự nguyện tham gia Hội Thư viện Việt Nam với tư cách là Hội thành viên phải được Ban Chấp hành Hội Thư viện Việt Nam chấp thuận. Hội thành viên tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của hội, song phải phù hợp với Điều lệ của Hội Thư viện Việt Nam.

2. Nhiệm vụ Hội thành viên:

- Thực hiện Điều lệ Hội Thư viện Việt Nam;
- Quản lý hội viên, thực hiện các nghị quyết, chương trình công tác của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội;
- Phản ánh nguyện vọng, kiến nghị của hội viên với Ban Chấp hành hoặc Ban Thường vụ Hội.

Điều 23. Liên Chi hội, Chi hội

1. Nơi có nhiều hội viên, nhiều Chi hội thì thành lập Liên Chi hội. Việc thành lập Liên Chi hội do Ban Chấp hành Hội quyết định.

2. Chi hội Thư viện là tổ chức cơ sở của Hội Thư viện Việt Nam do Ban Chấp hành Hội thành lập.

3. Nhiệm vụ Liên Chi hội, Chi hội:

- Thực hiện Điều lệ Hội, các nghị quyết, chương trình công tác của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội;
- Quản lý Hội viên;
- Phản ánh nguyện vọng, kiến nghị của hội viên với Ban Chấp hành hoặc Ban Thường vụ Hội;
- Mỗi Liên Chi hội được bầu Liên Chi Hội trưởng, Liên Chi Hội phó và các uỷ viên;
- Mỗi Chi hội được bầu Chi Hội trưởng, Chi Hội phó và các uỷ viên;
- Nhiệm kỳ của Liên Chi Hội, Chi hội là 2,5 năm (hai năm rưỡi);
- Qui chế về tổ chức và hoạt động của Liên Chi Hội, Chi Hội do Ban Chấp hành qui định.

Điều 24. Các đơn vị trực thuộc Hội

Việc thành lập các đơn vị trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật. Các đơn vị trực thuộc hoạt động theo quy chế của đơn vị do Ban Chấp hành Hội Thư viện Việt Nam phê duyệt.

Chương V

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 25. Nguồn tài sản, tài chính của Hội

1. Tài sản của Hội bao gồm tiền và hiện vật. Nguồn tài chính của Hội gồm có:

- Hội phí của hội viên;
- Kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp trong các hoạt động kinh tế, văn hoá và các hoạt động dịch vụ của Hội;
- Các nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Tài sản, kinh phí tài trợ của Nhà nước.

2. Khoản chi:

- Tài chính của Hội được quản lý và chi tiêu theo quy định của pháp luật và của Ban Chấp hành Hội;
- Các nguồn tài chính của Hội có được dùng để chi phí hành chính, mua sắm tài sản, chi cho các hoạt động nghiệp vụ, hoạt động đối nội, đối ngoại của Hội;

3. Khi Hội giải thể thì tài sản, tài chính của Hội được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Quản lý tài chính, tài sản của Hội

Việc quản lý, sử dụng tài sản và tài chính của Hội thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Tài chính của Hội phải được báo cáo công khai trong các kỳ Đại hội hoặc Ban Chấp hành Hội.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 27. Khen thưởng

Hội viên và các tổ chức của Hội có thành tích sẽ được Hội khen thưởng hoặc được đề nghị Nhà nước khen thưởng.

Qui chế xét khen thưởng do Ban Chấp hành Hội qui định.

Điều 28. Kỷ luật

Hội viên và các tổ chức của Hội vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Hội tùy theo mức độ sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, cách chức đến khai trừ khỏi Hội.

Quy chế kỷ luật do Ban Chấp hành Hội qui định.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Sửa đổi Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Thư viện Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

Điều lệ Hội Thư viện Việt Nam gồm 7 chương 30 điều đã được thông qua tại Đại hội thành lập Hội ngày 22 tháng 10 năm 2006 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ.

Ban Chấp hành Hội Thư viện Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Điều lệ./.